

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG X U, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thanh
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long X U, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Ng U đơn:* Chị **Phan Thúy U**, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, tổ 65, khóm 5, phường M, thành phố Long X U, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số B, đường T, khóm 5, phường L, thành phố Long X U, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Vĩnh N**, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, khóm T, phường M, thành phố Long X U, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số, đường T, khóm 5, phường L, thành phố Long X U, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa chị U có mặt; anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/4/2018 và trong quá trình tố tụng ng U đơn chị Phan Thúy U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị U và anh N tự nguyện tìm hiểu đề tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long X U, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, ngày 05/7/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Ng U nhân do ông N không lo làm ăn, bỏ mặt gia đình, không chăm lo cho vợ con, đã nhiều lần vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vinh T, sinh ngày 15/12/1995 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2005. Hiện 02 con chung đang sống cùng chị U. Cháu Thái đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vĩnh N trình bày tại tờ tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 24/7/2018 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị U.

Về con chung: Thống nhất để con chung sống với chị U, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đối với địa chỉ cư trú của bị đơn tại số 42/30, khóm Thới An, phường Mỹ Thới, thành phố Long X U, tỉnh An Giang hiện anh N và chị U đã bán nhà tại địa chỉ này, mặc dù hộ khẩu còn nhưng anh N không còn sinh sống tại đây, đối với địa chỉ số 40B, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 5, phường Mỹ Long, thành phố Long X U, tỉnh An Giang không có căn cứ xác định anh N hiện nay đang sinh sống tại đây, văn bản công chứng thì được công chứng tại thành phố Hồ Chí Minh do đó đề nghị xác minh làm rõ anh N hiện nay đang sinh sống tại đâu để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N. Đồng thời, đề nghị bổ sung thông báo kết quả phiên

hợp về kiểm tra giao việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N

Về nội dung: Do chưa đảm bảo về tố tụng nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thúy U tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Vĩnh N, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long X U, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phan Thúy U tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Vĩnh N, chị U và anh N có con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2005. Căn cứ Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ có văn bản về việc tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Long để xác định ng U nhân phát tranh chấp ly hôn nhưng Ủy ban không có văn bản phúc đáp. Tuy nhiên, anh N đã có văn bản thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị U.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long X U tại phiên tòa đề nghị làm rõ anh N hiện nay đang sinh sống ở đâu để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N. Căn cứ vào đơn khởi kiện chị U xác định địa chỉ tại phường Mỹ Thới, phù hợp với địa chỉ của anh N theo hộ khẩu số 807-MT do công an thành phố Long X U cấp ngày 10/11/2011, đây là địa chỉ thường trú của anh N theo quy định tại Điều 12 Luật cư trú. Chị U đã xác định đúng địa chỉ của anh N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án anh N có tờ tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 24/7/2018 được công chứng xác định anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, có ý kiến thống nhất thuận tình ly hôn, con chung để chị U tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không tranh chấp. Đồng thời, anh N có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Long X U xem xét chấp nhận.

Tại tờ tự khai và đơn xin vắng mặt của anh N được Phòng công chứng số 2 thành phố Hồ Chí Minh chứng thực, tại hai văn bản này anh N xác định rõ địa chỉ chỗ ở hiện nay tại số 40B, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 5, phường Mỹ Long, thành phố Long X U, tỉnh An Giang, phù hợp với địa chỉ do chị U cung cấp và khai nhận tại phiên tòa. Anh N và chị U đều thừa nhận và xác định chỗ ở hiện nay tại địa chỉ số 40B, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 5, phường Mỹ Long, thành phố Long X U, tỉnh An Giang; tại phiên tòa chị U cũng khai nhận anh N vẫn đi đi về về thăm hai con tại địa chỉ này, nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị về thủ tục thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra giao việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ 93 biểu mẫu được hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây là văn bản quy phạm pháp luật theo khoản 7 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng không có mẫu thông báo kết quả phiên họp. Đồng thời, anh N có văn bản thống nhất ly hôn, con chung để chị U tiếp tục nuôi dưỡng, không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và cũng không tranh chấp các nội dung khác liên quan đến vụ án, phiên họp chỉ có mặt chị U tham gia, anh N có đơn xin vắng mặt nên việc không thông báo kết quả phiên họp không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Chị Phan Thúy U và anh Nguyễn Vĩnh N đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long X U, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116, ngày 05/7/2010. Do đó, hôn nhân của chị U và anh N là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, căn cứ để chị yêu cầu là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh N không lo làm ăn, bỏ mặc gia đình, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ thực hiện các công việc chung trong gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị U vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh N có văn bản thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị U. Căn cứ Điều 17, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị U là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vinh T, sinh ngày 15/12/1995 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2005. Hiện 02 con chung đang sống cùng chị U. Cháu Thái hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo, cháu Bảo cũng có nguyện vọng được sống với chị U, chị U không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có văn bản thống nhất để cháu Bảo tiếp tục sống với chị U. Do đó, yêu cầu của chị U là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội, chị U phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 3; Điều 17; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

T U xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thúy U đối với anh Nguyễn Vĩnh N.

Chị Phan Thúy U được ly hôn với anh Nguyễn Vĩnh N

[2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vinh T, sinh ngày 15/12/1995 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2005. Hiện 02 con chung đang sống cùng chị U. Cháu Thái hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động. Chị U được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Gia B, chị U không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thúy U phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 008313 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Long X U.

Chị U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày t U án.

Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Để thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt